

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 333/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2021

V/v ly hôn giữa anh P và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tổng Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Minh Tân.

Ông Triệu Văn Giản

- *Thư ký phiên toà:* Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:* Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30-6-2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Việt P, sinh năm 1998; nơi cư trú: Số nhà 14/58 đường M, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. Có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thủy T, sinh năm 1999; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà A2P2 tập thể C50, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi ở: Số nhà 40 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp ngày 13-4-2021, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh Bùi Việt P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thủy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định năm

2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Anh xác định tình cảm giữa anh và chị Nguyễn Thủy T không còn, anh có nguyện vọng ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai vào ngày 27-4-2021 bị đơn chị Nguyễn Thủy T trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn như anh P trình bày là đúng. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ sống và vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm và không có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và cũng nhất trí ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Chị xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên thu thập tài liệu chứng cứ ngày 18-6-2021 tại chính quyền địa phương đã xác nhận tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị T là có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm. Vợ chồng anh chị không có con chung. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn

giữa anh Bùi Việt P và chị Nguyễn Thủy T. Anh P là nguyên đơn nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh P phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Việt P có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên toà, chị Nguyễn Thủy T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Bùi Việt P và chị Nguyễn Thủy T.

[2] Về hôn nhân: Anh Bùi Việt P và chị Nguyễn Thủy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vị Hoàng, thành phố N, tỉnh Nam Định vào ngày 04-7-2018 nên hôn nhân giữa anh P và chị T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về tình cảm: Quá trình chung sống anh P và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân và đã sống ly thân mỗi người một nơi vợ chồng không có trách nhiệm gì với nhau. Nay anh P xác định không còn tình cảm với chị T và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị T cũng đồng ý ly hôn. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng vắng mặt không có lý do chứng tỏ chị T không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa anh P và chị T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung của vợ chồng: Anh P và chị T xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội anh Bùi Việt P là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Bùi Việt P và chị Nguyễn Thủy T.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Bùi Việt P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Bùi Việt P đã nộp tại biên lai số 0003634 ngày 13-4-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Bùi Việt P và chị Nguyễn Thủy T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND phường V,
TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Thị Kim Phụng

